

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa
Tập 556

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyễn Tâm

Thời gian: 24.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, quý vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 726, chúng ta xem từ kinh văn, hàng thứ tư.

“*Nếu có chúng sinh, hiểu tin trí Phật, cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc*”, mấy câu này là Phật nói. Nếu có những chúng sinh có trí tuệ, “*minh*” là có trí tuệ, có trí tuệ họ mới chánh tín, tin vào trí tuệ Phật. Tin như trước đây đã nói Phật có năm loại trí, “*đoạn trừ nghi hoặc*”, với tất cả mọi việc, không còn nghi hoặc nữa. Với năm loại trí, chưa chắc họ đã thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, nhưng họ tin, không hoài nghi, đây là tự tánh Bát Nhã khởi tác dụng, tin trí tuệ Phật.

Đoạn tiếp theo: “*Tin thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng*”. Ở đây là tin bản thân, tin thiện căn của mình, đây là điều rất khó được, rất khó. Thiện căn là gì? Giáo lý đại thừa thường nói thiện căn thế gian, ý nói tất cả thiện pháp thế gian đều được sinh ra từ đó, đây gọi là thiện căn, có thể sinh ra tất cả thiện pháp.

Thiện căn ở đây là ba thiện căn: “*Không tham, không sân, không si*”, ý nghiệp sau cùng trong Thập thiện nghiệp đạo, ba căn này. Tất cả thiện pháp của xuất thế gian, trong giáo lý đại thừa Phật cũng nói “*tinh tấn*”, tinh tấn là cội gốc lớn nhất tất cả thiện pháp của Bồ Tát. Thế nào là tinh tấn? Tinh là thuần nhất, tinh thuần, không chút pha tạp; Tấn là mãi mãi tiến lên trước, không bao giờ thụt lùi, đây là tinh tấn.

Dùng phương pháp được nói trong bộ kinh này: “*Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm*” là tinh tấn đúng nghĩa. Thực hiện được tám chữ này, công phu thượng phẩm sinh đến Thật báo độ. Công phu trung phẩm sinh Phương tiện hữu dư độ. Công phu hạ phẩm sinh Phạm thánh đồng cư độ, không ai không vắng sinh.

Bởi thế phải hiểu rõ hai chữ tinh tấn, trong tâm chúng ta, nếu còn nhiều tạp niệm, sẽ không tinh, sẽ mất tinh tấn, cho dù ngày nào cũng tiến bộ nhưng

không phải tinh tấn. Bởi thế vấn đề vẫn còn rất nhiều, thực sự tinh tấn, vấn đề không còn. Chân tướng sự thực này cần phải hiểu rõ, hai loại người này đều được vãng sinh.

Quý vị xem, không hoài nghi trí tuệ Phật, biết được Phật minh tâm kiến tánh, tất cả trí tuệ trong mỗi chúng sinh đều có. Phật là người đẩy lui tất cả chướng ngại nên trí tuệ có mặt, phàm phu bị nhiều lớp chướng ngại, tuy có nhưng không thể hiển lộ. Phật dạy chúng ta, với chuyện đó nên tin thật sâu sắc, không được hoài nghi. Biết ta đang là phàm phu, biết sau khi thành Phật, trí tuệ tự tánh viên mãn sẽ có mặt, làm sao có thể hoài nghi năm thứ trí tuệ này! Tin thiện căn của mình, không tham, không sân, không si, thêm vào tinh tấn, bỏ ác làm lành như thế mới có công đức.

Nếu không có ba thiện căn, không có tinh tấn, tu tất cả những điều thiện đều là phước đức. Công đức không giống phước đức. Phước đức là hưởng thụ phước báo trong luân hồi lục đạo; công đức có thể giúp chúng ta khai trí tuệ, giúp chúng ta chứng quả Thánh, giúp chúng ta vãng sinh thế giới Cực lạc, thân cận Phật A Di Đà. Những việc của công đức đã kể, phước đức không làm được.

Phước đức và công đức, xét về mặt sự hoàn toàn giống nhau, cũng bỏ ác làm lành, nhưng về mặt dụng tâm hoàn toàn khác nhau. Chỉ cần bản thân ta có ngã, biến thành phước đức. Nếu thay đổi ý niệm, vô ngã, khởi tâm động niệm, đều vì tất cả chúng sinh cõi hư không khắp pháp giới, mỗi niệm mỗi hành động của chúng sẽ trở thành công đức. Công đức này là chí công vô tư, thực sự thực hiện được vô tư là công đức.

“*Chí tâm hồi hướng*” thành tâm thành ý đến pháp thế gian, thập pháp giới. Không có lòng mong cầu trong thập pháp giới, đây chính là chân tâm thuần nhất. Đem tất cả những công đức ta đã làm, hồi hướng về thế giới Cực lạc phương Tây, hồi hướng đến Phật A Di Đà. Tất cả những công đức ta tu trong đời, không phải vì gì khác, chỉ vì cầu sinh thế giới Cực lạc, thân cận Phật A Di Đà.

Bởi thế chúng ta có nguyện có cầu, nguyện cầu này là có điều kiện, không phải không có điều kiện. Về vấn đề này, những người cầu vãng sinh không được lơ là.

“*Đều tự nhiên hoá sinh trong hoa thất bảo*”. Tâm hồi hướng nhất niệm của chúng ta thông suốt với Phật A Di Đà, thế giới Cực lạc, đến lúc nhân duyên đến thì Phật sẽ chứng giám, chúng ta cũng hiểu được. Nói chung một số người hiểu được, tuyệt đại đa số, trước bảy ngày, biết trước giờ chết, biết trước bảy ngày, tuyệt đại đa số người tu hành có cảm ứng này. Một số người

biết trước ba tháng, có nhưng số này rất ít, công phu khá sâu. Nếu biết trước một năm, hai năm, số người này có công phu tương đối.

Chúng tôi đã từng chứng kiến, thầy Lí tu học ở Đài Trung, trước một năm, thầy tuyên bố. Trong một lần giảng kinh, thầy nói với mọi người: Tôi giảng cho mọi người một năm nữa thôi. Lúc bảy giờ có đồng học nghe thế, lập tức đến Đài Bắc hỏi tôi, thầy nói câu đó có ý gì? Họ không dám hỏi, đến tìm tôi, tôi nói với họ, thầy nói một năm nữa sẽ không giảng kinh, năm sau thầy sẽ vãng sinh, quả thật như thế. Đây là dự đoán trước một năm, suốt đời chuyên tu chuyên hoằng pháp, công đức chân thật.

Quý vị xem xem: “*Đều được hoá sinh trong hoa thất bảo*”, đây là cách thức vãng sinh. “*Ngồi xếp bằng*”, ngồi trong hoa sen. “*Trong khoảnh khắc*”, thời gian rất nhanh, độ mấy giây. “*Thân tướng sáng rực, công đức trí tuệ, thành tựu tất cả, như các Bồ Tát*”. Trong giây lát ngồi trên hoa sen, cả thân hình đều thay đổi. Duy tâm sở hiện, duy tâm sở sanh, lúc này, chắc chắn bát thức đã chuyển thành tứ trí, ý niệm chuyển, thân tâm lập tức thay đổi.

Như bốn mươi tám nguyện Phật A Di Đà đã nói, thân tướng của họ không khác Phật A Di Đà. Thân có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi một tướng lại có tám vạn bốn tùy hình hảo. Thân thể không còn cơ thể vật lí, không còn thân thể xương thịt, thân pháp tánh, nơi cư trú, núi sông rừng bể đều là cõi pháp tánh. Có thể nói tất cả đều tâm hiện tâm sanh, ở đó không còn thức, không còn thức là gì? Không còn khởi tâm động niệm, không còn phân biệt chấp trước.

Khởi tâm, động niệm là A lại da, phân biệt là ý thức, chấp trước là mạn na, không có những thứ đó, thay đổi hết. A lại da trở thành đại viên cảnh trí, mạn na biến thành bình đẳng tánh trí, bình đẳng tánh hiện ra. Ý thức biến thành diệu quan sát trí, là thanh tịnh trong kinh này. Đệ lục ý thức biến thành thanh tịnh, đệ thất thức biến thành bình đẳng. A lại da biến thành giác, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chuyển bát thức thành tứ trí.

“*Trong khoảnh chớp mắt, thân tướng rực rỡ, công đức trí tuệ, như các Bồ Tát*”. Hoàn toàn tương đồng với chư vị Bồ Tát bất thoái chuyển ở thế giới Cực Lạc, bản thân họ cũng trở thành Bồ Tát bất thoái chuyển, nghĩa là “*thành tựu tất cả*”. Chúng ta phải tin lời Phật, mỗi câu đều là chân thật, không có câu nào giả dối.

“*Di Lạc nên biết*”, Phật gọi Bồ Tát Di Lạc. Phần tiếp theo sẽ là những lời quan trọng, gọi để nhắc nhở, phải chuyên tâm nghe lời dạy. “*Những người hoá sinh đó, do có trí tuệ thù thắng*”, trí tuệ mà họ có được, giống như Phật Bồ Tát đều là trí tuệ xưng tánh. “*Những người thai sinh, trong năm trăm kiếp, không thấy Tam bảo, không biết pháp thức Bồ Tát*”. Pháp thức, ngày nay

chúng ta gọi là oai nghi, phong độ, thần thái, trong đó bao hàm những nghĩa đó.

“*Không được công đức tu tập*”, tu là học, tập là thực tập, tập là thực hành. Dem những gì mình đã học, áp dụng vào cuộc sống hàng ngày, đối nhân xử thế, gọi là tập. Bởi vì họ không gặp Tam bảo, họ không có nơi để học, không có nơi để học tất nhiên không có phương pháp để thực tập, bởi vậy không có công đức tu tập.

“*Vô nhân*”, không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ, không thấy Phật A Di Đà. “*Nên biết người này, trong đời kiếp trước, không có trí tuệ, nghi hoặc, nên mới như thế*”, tại sao nói không có trí tuệ? Họ hoài nghi, còn mê hoặc. Nghi hoặc, kinh Đại thừa nói là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, đối với Bồ Tát là chướng ngại lớn nhất, với phàm phu càng không cần nói. Tại sao phàm phu học Phật lại khó khăn như thế? Bởi vì họ nghi, họ mê hoặc, nếu không nghi, không nghi hoặc, chúng ta sẽ nói thiện căn người này vô cùng thâm hậu.

Thiện căn thâm hậu từ đâu mà có? Do sự tu học từ đời trước, chắc chắn không phải một đời, hai đời, ba, bốn, năm đời học Phật. Như Kinh Kim Cang nói, người này ngày trước đã từng cúng dường vô lượng vô biên đức Phật. Trong đời quá khứ học Phật đã có nền tảng rất chắc, tại sao trong quá khứ họ không thành tựu? Bởi vì có chướng ngại, ngăn cản họ thành tựu. Giả như hoàn toàn không tin những lời Phật dạy, không chút hoài nghi, họ đã thành tựu.

Bản thân chúng ta đến thế gian này, chúng ta thử suy nghĩ, từ bé, ngày trước mọi người đều tin, trước ba tuổi họ có nghi hoặc chăng? Không có, họ tin tưởng cha mẹ, chưa chắc tin lời người khác, nhưng hoàn toàn tin lời cha mẹ, không một chút nghi ngờ. Đến lúc trưởng thành, thấy nhiều thứ, nghe nhiều thứ, dần dần nghi hoặc nổi lên.

Bởi thế người xưa hiểu chân tướng sự thực này, rất chú tâm vào việc dạy dỗ về phương diện này, từ bé đã hun đúc những gì? Dạy dỗ nó không được nghi ngờ cha mẹ, đấy là thiên bẩm, đó là tánh đức. Sau đó dạy không được nghi ngờ những bậc trưởng thượng, không được nghi ngờ ông bà, chú, bác, không hoài nghi người lớn. Rộng thêm chút nữa là không được hoài nghi cô thánh tiên hiền, không hoài nghi Phật Bồ Tát, thậm chí không được hoài nghi thánh thần. Những thiện căn này được dạy dỗ khi mới lọt lòng, do cha mẹ dạy, dạy rất tốt.

Khi đến trường, không được hoài nghi thầy giáo, chúng hấp thu những gì thầy dạy. Nếu hoài nghi thầy giáo, những gì thầy dạy nó đã không tiếp nhận, hết sức chỉ là tư liệu tham khảo. Nó không hiểu, nên nó không thể thực hiện. Những chân tướng sự thực này, những đạo lý này, chúng ta phải thấy rõ.

Tiếp theo chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: “*Hữu*”, đoạn văn bên phải chúng ta đang học. “*Nói rõ tướng nhân quả của thai sinh, hoá sinh ở thế giới Cực lạc*”. Những người thai sinh, hoá sinh vãng sanh đến thế giới Cực lạc không giống nhau. “*Đều là những người tin vãng sinh, vừa tin trí Phật, lại tin thiện căn bản thân*”, vấn đề này rất quan trọng.

Đời người, sống giữa thế gian này, những gì gặp được trong đời, báo ứng chúng ta giàu nghèo, sang hèn, sướng khổ, đều trong nhất niệm. Nhất niệm tin, nhất niệm không tin có quan hệ rất chặt chẽ. Trong Phật pháp nói tin, thứ nhất là tin bản thân.

Trong Yếu Giải đại sư Ngẫu Ích đã nói: Tín hạnh nguyện, tín có sáu điều, đầu tiên là tin bản thân, tại sao phải đưa lên hàng đầu? Tại vì tất cả các pháp trong cõi hư không khắp pháp giới, đều do tâm thức chúng ta biến hiện, bởi thế trước tiên là tin bản thân. Thứ hai là tin người khác, người khác là ai? Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, và Phật A Di Đà vị mà đức Bổn Sư đã giới thiệu cho chúng ta, đó là người khác.

Những lời Thế Tôn giáo huấn cho chúng ta, chúng ta không nghi hoặc. Những lời giáo huấn của Phật A Di Đà dành cho chúng ta, chúng ta chưa được nghe, chưa được thấy. Nhưng nhờ Phật Thích Ca thuật lại, chúng ta đã được biết, chúng ta cũng không hoài nghi Phật Thích Ca.

Giống như Bốn mươi tám nguyện trong phẩm thứ sáu của kinh đây, chính từ Phật A Di Đà nói. Phật Thích Ca Mâu Ni đưa bốn mươi tám nguyện của Phật, nguyên bản, không sót một chữ, nói cho chúng ta. Được nghe, chúng ta mới hiểu, không còn hoài nghi nữa. Chúng ta tin, chúng ta tiếp nhận, đây gọi là tin người khác. Thứ ba tin sự, thứ tư tin lí, thứ năm tin nhân, thứ sáu tin quả. Tin nhân, tin quả. Tự tha, lí sự, nhân quả gọi là sáu tin.

Nếu có đức tin này, tin là đức trong tự tánh, Đạo gia gọi là đạo đức, nghĩa là đạo. Nhà Phật gọi là tự tánh, khởi dụng của tự tánh là đức. Bởi thế Đạo gia gọi là ngũ đức, hoàn toàn giống Nho gia, nhân nghĩa lễ trí tín. Tín là tiêu chuẩn thấp nhất của đạo đức, nếu không có tin, có đức tin mới có nhân nghĩa lễ trí. Giống như xây ngôi lầu năm tầng, tín là tầng thứ nhất, không có tầng thứ nhất, bốn tầng kia không thể xây được. Bởi thế nhà Phật đưa niềm tin, coi là tầng thứ nhất, quan trọng nhất,

“*Tin là chiếc nôi của mọi công đức*”, đạo là đạo lớn Bồ đề, căn nguyên của đạo Bồ đề là niềm tin, là mẹ của công đức vô lượng vô biên, của pháp thế và xuất thế gian. Nghĩa là niềm tin có thể sinh ra công đức, không có tín, công đức cũng không.

Nền giáo dục ngày xưa, dạy học, từ bé đã dạy chữ này. Ngày nay không dạy, bây giờ đã thay đổi, không dạy tin, mà dạy hoài nghi. Tinh thần của khoa học được xây dựng trên nền tảng hoài nghi, hoài nghi sinh ra khoa học. Tín, tín sinh ra đạo đức, nhân nghĩa lễ, sinh ra những thứ đó, hoài nghi sinh ra khoa học. Khoa học là tốt, mới nhìn qua thấy rất hào nhoáng, nhưng hậu quả không thể tưởng tượng.

Ngày nay chúng ta đang hưởng được mùi vị ngọt ngào của khoa học, chúng ta cũng nếm được vị đắng của nó. Bình tâm nghĩ lại, được không bằng mất, những gì ta được quá ít, những gì ta trả giá lại quá nặng. Quý vị xem xã hội loạn lạc, thiên tai trên quả đất, đây là cái giá phải trả. Bởi thế trong lúc này, phải có những người có thiện căn sâu dày, bắt đầu giác ngộ, tìm lại những đức tin của tổ tiên, để cứu xã hội, cứu địa cầu, không tìm lại, không thể cứu được! Tin thiện căn của chính mình, cũng là tin trí tuệ của Phật.

“*Ngoài mộ các Thánh*”, mộ là ngưỡng mộ A La Hán, Phật Bích Chi, Bồ Tát, chư Phật Như Lai. Sinh khởi tâm ngưỡng mộ đối với họ, thấy hay học theo, tôi cũng muốn giống họ.

“*Làm các công đức, chí tâm hồi hướng*”, làm các công đức là bỏ ác làm lành, phát tâm niệm Phật, phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Dùng công đức đó hồi hướng cầu sinh Tịnh độ, dùng công đức đó để hồi hướng, thân cận Phật A Di Đà. “*Đều được sinh trong hoa sen trước Phật*”, lúc này nguyện đã mãn. “*Trí tuệ rực sáng, công đức thành tựu, đủ như Bồ Tát*”. Đoạn này nói khi đến thế giới Cực lạc phương Tây, những công đức tu được, khai hoa kết quả nơi thế giới Cực lạc.

Đến thế giới Cực lạc, trí tuệ rực sáng, công đức của ta đã thành tựu, giống như Bồ Tát, đây là Bồ Tát nào? 41 vị Bồ Tát Pháp thân, Bồ Tát trú tại cõi báo, giống như họ. Sự giống này là nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì. Nói đến nguyện lực, nhất định phải nghĩ đến năm kiếp tu hành của Phật A Di Đà, không phải là thời gian ngắn. Năm kiếp không thể nói trung kiếp, không thể nói tiểu kiếp, đây là đại kiếp, năm đại kiếp tu hành những gì? Tu bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện đều thành tựu.

Bởi thế chúng ta hiểu được thế giới Cực lạc đã thành tựu như thế nào? Là nguyện lực Phật A Di Đà, tự nhiên cảm ứng thành tựu. Thế giới Cực lạc không cần kiến trúc sư qui hoạch, không cần ai thiết kế, cũng không cần thợ thi công, thành tựu một cách tự nhiên, thế nào? Đủ để tin chăng? Trong kinh Đại thừa đức Phật nói rất nhiều, chúng ta nghe đã quen tai: “*Tất cả pháp đều sinh ra từ tâm tưởng*”, nếu không tin, hỏi bạn, đã bao giờ nằm mơ chưa? Ai cũng đã từng nằm mộng.

Không ít người học Phật, mộng thấy Phật A Di Đà, mộng thấy thế giới Cực lạc, tôi hỏi quý vị, ai đã vẽ nên thế giới Cực lạc trong giấc mơ đó? Công nhân nào thi công? Không ai cả. Thế giới Cực lạc cũng như thế, không ai thiết kế, không ai vẽ nên, không công nhân thi công, tự nhiên có mặt.

Ở thế giới chúng ta, Dục giới, cõi trời thứ năm Dục giới là như thế, công đức thành tựu. Tầng thứ sáu, phước báo lớn hơn, bản thân không cần nghĩ. Tầng thứ năm nếu nghĩ được sẽ cúng dường bạn, những thứ mang đến cúng dường là thứ bạn đã nghĩ đến, tôi đã nghĩ như thế, họ sẽ mang những thứ đó đến. Bởi thế chúng ta, khi vãng sinh đến thế giới Cực lạc, sẽ có thân phận gì? Thân phận của tầng trời thứ sáu. Phật A Di Đà là tầng trời thứ năm, Phật A Di Đà biến hoá tất cả để cúng dường chúng ta, chúng ta mới cảm kích đại ân đại đức Phật A Di Đà. Không phải Phật A Di Đà, chúng ta làm sao được hưởng thụ tốt như thế! Ân đức Phật A Di Đà là vô cùng, không những săn sóc đời sống cho ta, ngày nào cũng dạy dỗ, mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp. Ở thế giới Cực lạc không bao giờ ngưng giảng kinh thuyết pháp.

Ngày trước, khoảng hơn hai mươi năm trước, khi ở Mỹ, tôi nghĩ như thế, nhưng lúc bấy giờ chưa có phước báo, nghĩ cũng như không, không thực hiện được. Nếu có những người chí đồng đạo hợp, mua một miếng đất ở Mỹ, tất cả chúng ta cùng ở chung, giống như làng Di Đà. Trở thành trấn nhỏ, trong trấn nhỏ đó có niệm Phật đường, mỗi ngày giảng kinh dạy học trong niệm Phật đường đó, chúng ta sẽ rất thuận tiện. Giá thành thấp nhất là dùng phương pháp truyền thanh, điện vô tuyến hay điện có tuyến đều được.

Mỗi ngày giảng kinh, chỉ cần thu băng là có thể phát, dưới tán cây trong sân, trên cành cây có thể đặt một loa phát, khi mở, không kể đứng ở đâu, cũng có thể nghe tiếng giảng kinh.

Hiện nay, so với ba mươi năm trước, khoa học kỹ thuật đã tiến bộ rất nhiều. Ngày nay không những nghe được âm thanh, mà còn thấy được hình ảnh sống động. Ở khu vực nhỏ này, gia đình nào cũng có thể nghe được, truyền hình không có cột sóng cũng nhận được, bên ngoài sân, dưới tán cây đều có thể thấy. Đây là cách bắt chước thế giới Cực lạc, khiến pháp âm tuyên lưu hai mươi bốn giờ không gián đoạn. Nhớ Phật niệm Phật, bây giờ, tương lai chắc chắn thấy Phật. Trong mỗi gian phòng, đều có những chiếc máy phát thanh nhỏ, có nút bật tắt. Muốn nghe, mở ra là có thể nghe, không muốn nghe, tắt đi là xong.

Ngày nay, ngay hình ảnh cũng có thể làm được, sau khi nhà dạy học xây dựng xong, đầu tiên là thực hiện việc này này, nối mạng. Giảng kinh ở đây, phòng nào cũng có thể thấy, nghe được âm thanh thuyết pháp, nghe được tiếng niệm Phật. Những người ngoài đến đây tham học, bước vào đã nghe tiếng Phật hiệu, nghe tiếng kinh giảng. Đây chính là đạo tràng của Phật pháp

Đại thừa, đạo tràng Phật pháp Đại thừa phải là như thế. Phật A Di Đà đã làm tấm gương sáng cho chúng ta, chúng ta phải thực hiện, khiến mọi người khi bước vào cảnh giới này, mắt tai đều khác.

“*Ngược lại*”, tương phản, nhìn từ phía phản diện. “*Trong lòng nghi hoặc sẽ đọa thai sinh*”, trong lòng nghi hoặc liền sinh biên địa, sinh vào nghi thành, gọi là thai sinh. “*Trong năm trăm năm không thấy Tam bảo vv...*”, vân vân ở đây là không nghe pháp Phật, không thấy Tam bảo, không nghe Phật pháp, đây là nổi khổ. Sinh hoạt vật chất họ không thiếu, sinh hoạt vật chất giống trời Đao lợi, trời Dạ ma, rất sung sướng, khổ gì? Không thấy được Phật pháp, không nghe được Phật pháp, đây là khổ.

“*Đều do không có trí tuệ, nghi hoặc mà ra, vì thế đoạn nghi sinh tín, cực kì thiết yếu*”, tám chữ này rất quan trọng! Làm sao để đoạn nghi? Làm sao để sinh tín? Nếu không có thời gian dài huân tu, làm sao đoạn nghi? Làm sao có thể sinh tín? Chỉ cần có tín tâm sanh, người đó chắc chắn sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc.

Đại sư Ngẫu Ích đã nói, liệu có được vãng sinh hay không, chắc chắn ở chỗ có tín nguyện hay không. Quý vị xem đầu tiên là tín, nếu thực sự tin, không chút hoài nghi, thực sự muốn đi, không muốn ở thế giới này nữa. Thực sự muốn đi, chỉ cần nghĩ như thế là chắc chắn vãng sinh. Phạm vi khi đến thế giới Cực lạc, đây chính là công phu niệm Phật của ta nông hay sâu. Không nói niệm Phật bao nhiêu, nhiều hay ít không liên can, công phu nông sâu, công phu ở đâu? Tâm của ta thật hay giả, đây là công phu.

Với thế gian này quý vị không chút tham luyến, đây là chân tâm, công phu sâu. Quý vị vẫn còn tham luyến thế gian, công phu đó nông. Phạm vi cao thấp ở chỗ công phu niệm Phật nông sâu, câu này nói rất hay. Bởi thế học tập lời dạy Thánh hiền, học tập văn hoá truyền thống cổ xưa, quan trọng nhất là lòng tin. Sở dĩ Khổng lão phu tử trở thành Thánh nhân, Đại Thánh, Chí Thánh tiên sư, Chí Thánh là gì? Thánh trong các Thánh. Giống như Phật A Di Đà, vua trong các Phật, đó chính là chí Thánh.

Ông cho chúng ta biết, tâm thái tu học của ông: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ*”, chúng ta nên học theo tám chữ này. Bốn chữ trước là chân thật, bốn chữ sau là nghe lời, siêng làm. Tin mới nghe lời, háo cổ là siêng làm. Thuật nhi bất tác là chân thật, tôi không sáng tạo, tôi không phát minh, tôi cũng không muốn sáng tạo, phát minh. Cứ chân thật đi theo cổ nhân, chân thật học theo cổ nhân, thành tựu như thế đây.

Bởi thế đoạn nghi sinh tín, Phật Thích Ca Mâu Ni chưa bao giờ buông lời một ngày, ngày nào cũng giảng kinh dạy học, lí do? Giúp chúng sinh đoạn nghi sinh tín, đây chính là tiếp dẫn, nhiếp thọ. Khi tiếp dẫn nhiếp thọ rồi, mỗi

ngày vẫn cứ giảng kinh, mỗi ngày vẫn dạy học, tại sao thế? Giúp mọi người nâng cao thêm, mọi người đoạn hoặc chứng chân, như thế là mục tiêu thứ hai đã thành công.

Đầu tiên là giúp đỡ họ đoạn nghi sinh tín, bước đầu, khi đã vào cửa, giúp ta phá mê khai ngộ, chứng quả ngay, không bước vào làm sao chứng quả? Khi bước vào sẽ giúp ta chứng quả. Với người mới học, việc giảng kinh dạy học của Phật có hai tác dụng, một là đoạn nghi sinh tín, tiếp theo là giúp ta bỏ ác làm lành. Phẩm này chúng ta học đến đây.

Chúng ta xem phần tiếp theo: *“Phẩm thứ bốn mươi mốt: Hoặc kiến Phật”*. Khi Phật giảng bộ kinh này, tự nhiên theo thứ tự, cuối cùng là gì? Cuối cùng là thành Phật. Thấy Phật là thành Phật, thấy Bồ Tát là thành Bồ Tát.

Mời xem kinh văn: *“Giống như vua Thánh chuyển luân, có ngục thất bảo, thái tử có tội, giam hãm vào trong, tầng lầu điện lụa, màn báu giương vàng, cửa sổ bàn ghế, những loại châu báu, ăn uống áo quần, như vua Chuyển luân. Nhưng dùng dây vàng, buộc hai chân lại, các thái tử nhỏ, còn vui nữa chăng?”*.

Ở đây là các thái tử nhỏ phạm tội, vua Thánh chuyển luân muốn trừng phạt, bắt chúng nó nhốt vào ngục, ngục này được làm bằng thất bảo, hoàng gia, trong hoàng cung. Bắt những thái tử phạm tội nhốt trong đó, cho hưởng thụ vật chất trong đó, không khác gì vua Thánh chuyển luân.

“Lâu đài đình các, màn báu giương vàng, trang sức quý giá, ăn uống mặc đẹp”, không loại nào xấu, đều rất tinh xảo. Nhưng, *“dùng khoá vàng”*, ở đây là trói buộc tay chân. Trói buộc tay chân không phải bằng đồng hay sắt mà là vàng bạc bảy báu, *“trói cả hai chân”*, đây gọi là trói chân. Ở trong cảnh đó, những thái tử này, liệu có vui chăng?

“Tù Thị thưa rằng”, Phật nói với Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Di Lặc trả lời: *“Thưa không, Thế Tôn”*, các thái tử không vui, bạch Thế Tôn. *“Những người khi bị trói, tâm không tự tại”*, những thái tử này không được tự do. *“Bèn dùng mọi cách để được thoát ra”*. Những thái tử nghĩ, đến lúc nào mới được thoát khỏi nhà giam, ngày nào mới được phóng thích, nên mới muốn thoát.

“Thưa các cận thân, nhưng không thoả mãn”. Cận thân là những người canh gác họ, những người giám ngục, cầu họ nhưng không được, những người này không có quyền thả. *“Luân vương vui vẻ, mới được giải thoát”*. Luân vương vui vẻ rồi, tốt, thả thôi, mới được phóng thích, họ mới được thả ra. Cả đoạn này đều là thí dụ, mục đích là để mọi người biết ghét khổ, mới biết được sự quan trọng của đoạn nghi sinh tín. Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão.

“*Phẩm này tiếp tục khuyên*”, phẩm này tiếp theo phẩm trước. “*Khuyên đoạn nghi khứ hoặc*”. “*Sơ*”, là đoạn thứ nhất. “*Lấy thái tử bị tù làm thí dụ*”. Gia Tường Sớ nói: “*Vua Chuyển luân ví như Phật Vô Lượng Thọ, cung điện thất bảo ví với Tịnh độ của ngài. Thái tử đặc tôi ví như lỗi người có lòng nghi*”. Nghi hoặc trí tuệ của Phật, nghi hoặc chính mình. “*Khoá vàng thí dụ hoa không nở*”. Cái mền chỉ tiện nghi vật chất, ví dụ cho tiện nghi vật chất, không khác gì vua Thánh chuyển luân. “*Chăn không khác, chỉ ăn uống, mặc đeo như vua Chuyển luân, dụ như cảm thấy vui vẻ, tự tại như trong cảnh hoa*”.

Tập hợp tất cả thí dụ có thể thấy, chúng ta có thể thấy, “*tầng lầu*” tức nhiều tầng, hai tầng trở lên. “*Giường*”, chỗ người nằm. “*Màn*”, màn giường, giăng trên giường, ngăn muỗi quấy phá khi ngủ. “*Tháp*” dùng như giường, dài, hẹp, thấp gọi là tháp. Chúng ta ăn uống mỗi ngày, trong nhà ăn bày một cái ghế nhỏ, công dụng như giường, nhưng nó có thể làm ghế để ngồi, cũng có thể nằm ngủ. “*Toả*” là khoá.

“*Trang sức bằng châu báu*”, khoá ở đây thí dụ cho trói buộc chân tay, dùng những thứ trân bảo khác lạ để trang sức cho đẹp. “*U chấp*”, u là ngục, chấp là trói buộc, bởi thế u chấp ngày nay gọi là trói buộc, nhốt vào trong ngục. Đó là giải thích sơ lược những danh từ, thuật ngữ trong đây.

“*Câu trả lời của Từ Thị, đầu tiên là khi bị trói*”. Khi bị vua Thánh chuyển luân nhốt vào ngục, không có tự tại, mất sự tự do, lúc đó rất muốn thoát ra. “*Mới được giải thoát*”, họ không có suy nghĩ nào khác, mỗi ngày đều chờ mong khi nào mới được tự do như ngày xưa.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn kinh văn: “*Phật dạy Di Lặc, những chúng sinh này, cũng y như thế, nếu đọa vào nghi hoặc, mong cầu trí Phật, đến trí rộng lớn, ở thiện căn họ, không thể sinh tín, do nghe tên Phật, nên khởi tín tâm. Tuy sinh nước kia, ở trong hoa sen, không thể xuất hiện*”. Đây là ví như những người bị nhốt trong ngục được nói ở đoạn trước, bị giam trong ngục.

“*Hoa thai chỗ kia, giống như khu vườn, nghĩ về cung điện. Tại sao thế, trong đó thanh tịnh, không có ô uế*”. Ý ở đây là thí dụ những thứ đã nói đoạn trước. Nhà giam này được xây bằng thất bảo. “*Tuy thế trong năm trăm năm, không thấy Tam bảo, không được cúng dường, phụng sự chư Phật. Xa rời tất cả thiện căn thù thắng, vì thế nên khổ, không được vui vẻ*”. Được hưởng thụ ở đó, nhưng không thể giúp nâng mình lên, đây là khổ. Giống như đi học ở trường, lúc này rất chán nản, tuy tiện nghi vật chất đầy đủ, nhưng thêm năm nữa mới tốt nghiệp, lấy đó làm đau khổ, họ không thấy thoải mái.

“*Nếu chúng sinh này, biết gốc tội mình*”, hiểu được ngay, tỉnh ngộ. “*Tự hối trách sâu*”, hối là sám hối, trách là tự trách. “*Thoát mau chỗ đó, trong đời kiếp trước, đã hết tội lỗi, lúc đó mới ra*”. Quý vị đã sám hối, đã sửa đổi, tội lỗi

trong đời trước không còn nữa, mới được thoát ra. Công đức sám hối, cải sửa không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão, mở đầu kinh văn là Phật nói với Di Lặc: *“Những chúng sinh này cũng như thế”*. Giống thí dụ trước kia, đưa ra sự việc hợp với thí dụ trước. *“Hoa thai”* hợp ngực thất bảo. *“Không thể hiện ra”*, hợp *“Lấy khoá vàng trói hai chân”*, *“giống như nghĩ trong cung điện vườn hoa, không có ô uế”*.

Nơi cư trú của họ là Tịnh độ, không có dơ bẩn, ô uế, ngày nay gọi là ô nhiễm, hợp *“Tầng lầu điện lụa, như vua chuyển luân”*, *“Không vui về gì”* hợp *“Thái tử không vui”*, họ không vui khi ở nơi đó. *“Biết gốc tội mình”* cho đến *“Sau đó mới ra”* hợp *“Luân vương vui vẻ, mới được giải thoát”*. Đây là kết hợp thí dụ và cách nói để xem.

Tịnh Ảnh Sớ nói: *“Nói rõ thai sinh, không còn chuyện khổ”*. Không còn khổ khi sinh đến thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là an vui thật sự, không còn khổ. Khổ ở đâu? Khổ do không thấy Tam bảo. *“Trong năm trăm năm không thấy Tam bảo, không thể tu thiện, lấy đó là khổ. Vì nỗi khổ ấy, tuy vui mà buồn”*, họ không thấy mình vui, tại sao? Cầu sinh thế giới Cực lạc phương Tây, mục đích ở đâu? Không phải đi hưởng lạc, mong đến thế giới Cực lạc là có thể thấy Phật A Di Đà, có thể thấy chư đại Bồ Tát, là có thể thực sự tiếp nhận lời dạy của Phật A Di Đà, đó là niềm vui.

Ở thế giới Cực lạc, mỗi ngày phân vô lượng vô biên thân, đến thập phương thế giới cúng dường Phật, đó là chuyện vui. Cúng Phật là tu phước, nghe chư Phật thuyết pháp là khai trí tuệ, đến thế giới Cực lạc làm gì? Đi tu phước, tu tuệ, phước tuệ viên mãn là thành Phật.

Bạn xem chúng ta: *“Qui y Phật lưỡng túc tôn”*, lưỡng ở đây là gì? Một là phước, hai là tuệ, cả hai đều viên mãn. Túc là mãn túc, hai thứ đó đầy đủ gọi là thành Phật. Phật là đáng đầy đủ phước và tuệ. Bây giờ đến thế giới Cực lạc mà không thấy được Tam bảo, cũng không tề, thế giới này không ô nhiễm, cái gì cũng tốt. Tôi đến thế giới Cực lạc không phải vì những thứ này, tôi chưa đạt được mục đích, đây là nỗi khổ.

“Đại sư Nghĩa Tịch nói, chỉ mong tốt đẹp, kém vui nên khổ, hâm mộ người trên, chán định dưới xấu cho là khổ, thô, tuy gọi là khổ, không phải cảm thọ”, ngài Nghĩa Tịch nói rất hay. Bồ Tát mong Phật, Phật thù thắng hơn Bồ Tát. Bồ Tát hâm mộ, không thể sánh được, vì thế nên cảm thấy khổ. *“Nhu hân thượng giả”*, hâm mộ người trên, với những thứ định kém cảm thấy khổ, thô.

Tự tánh Phật vốn định, Bồ Tát vẫn còn tu định, định công, trí tuệ không sánh được với Như Lai. Nhưng nhìn xuống, dưới đó là Bồ Tát quyền giáo, Duyên Giác, Thanh Văn, họ tuy có định, nhưng thua xa Bồ Tát. Bồ Tát thấy định đó là thô, là khổ. Tuy có cảm giác đó, nhưng không có cảm thọ. A La Hán có niềm vui trong định, tuệ, vượt thoát hai mươi tám tầng trời. Niềm vui định tuệ của Bồ Tát siêu việt Thanh Văn, Duyên Giác. Quả báo Phật Bồ Tát không thể với đến, Bồ Tát Đẳng giác cũng không sánh được.

“Đại sư Vọng Tây nói trong Vô Lượng Thọ Kinh Sao rằng_ Hỏi: Sinh biên địa là bởi quả nghi tâm, hay bởi tu thiện quá”. Câu hỏi rất hay, đây cũng là vấn đề của chúng ta. Người niệm Phật vãng sinh đến biên địa, rốt cuộc là do nghi tâm mà đến biên địa, hay tu thiện nên đến biên địa? Bạn xem câu trả lời. Chúng ta nhất định sẽ trả lời do nghi tâm nên đến biên địa, ở đây không phải.

“Đáp, là bởi quả tu thiện, không phải quả nghi tâm”, tại sao? “Bởi do nghi tâm xen tạp”, hiểu ý rồi chăng? Tu thiện nhưng có hoài nghi xen lẫn trong đó, nghi tâm làm sao đến được thế giới Cực lạc? Là tu thiện, thực tâm tu hành, tu thiện là gì? Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, đây là tu thiện. Tu thiện ở đây không phải những thiện khác, mà là niệm Phật A Di Đà. Nhưng niệm Phật, mỗi câu trong Phật hiệu đều có tạp niệm, điều này đáng để chúng ta chú ý. Vì thế tại sao đại đức tổ sư dạy các ta, trong mỗi niệm không có tạp niệm.

Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta tu thập niệm pháp, nghĩa là mười câu, mười câu Phật hiệu không cần một hơi, không yêu cầu như thế. Chỉ mong mười tiếng Phật hiệu, từ một đến mười phải ghi nhớ rõ ràng. Quý vị xem, niệm thật rõ ràng, nghe thật rõ ràng, nhớ thật rõ ràng, như thế tạp niệm mới không xen vào được. Nếu như niệm thật rõ, nghe thật rõ, nhưng không nhớ, không dùng tâm để nhớ, tạp niệm sẽ lẫn vào. Khi tạp niệm lẫn vào, niệm Phật như thế sẽ sinh biên địa. Không có tạp niệm sẽ nhập phẩm, không có tạp niệm sẽ như trong kinh nói: “chí tâm một niệm mười niệm”.

Chí tâm là đến Cực lạc một cách chân thành, thế nào gọi là chân thành? Trong Bút Kí khi đọc sách của Tăng Quốc Phiên đã nói, định nghĩa chữ “thành”, thế nào gọi là thành? “Nhất niệm bất sinh gọi là thành”. Thành có nghĩa là gì? Thành không có suy nghĩ, có suy nghĩ là không phải thành. Tịnh tông chỉ cho ta một niệm, không cho phép có niệm thứ hai, niệm này là Phật A Di Đà: Tôi phải đến thế giới Cực lạc, tôi phải thấy Phật A Di Đà, phương pháp này là Phật dạy cho chúng ta. Đây gọi là chánh niệm, chánh hành. Nếu để tạp niệm xen vào, nó sẽ lấy bớt, phá hoại công phu của bạn.

Bởi thế vãng sinh cũng là niệm Phật vãng sinh, tại sao sinh vào biên địa? Trong niệm Phật có tạp niệm, tạp niệm nào? Hoài nghi trí Phật, hoài nghi thiện căn của mình, có những tạp niệm đó sẽ sinh biên địa. Cách giải đáp rất

hay, phá tan mọi nghi hoặc của chúng ta. Bởi thế do quả tu thiện vãng sinh, không phải quả nghi tâm. “*Chỉ do nghi tâm xen vào, khiến bị quả như thế, không được thuần tịnh*”, đạo lí ở chỗ đó.

“*Nếu những chúng sinh này*”, hạ, chính là khuyên đoạn nghi biết tội, sám hối cầu sinh”. Đây là đoạn ngắn cuối cùng.

“*Nếu những chúng sinh, biết gốc tội họ, tự hối trách sâu, mong xa chỗ đó. Trong những đời trước, tội lỗi sạch hết, sau đó được ra*”, chính là đoạn này. Gốc tội, Ngụy Dịch thành tội gốc, ý nghĩa tương đồng. “*Hội Sớ nói: Tội gốc là tội nghi hoặc*”. Chính là hai loại nghi hoặc, hoài nghi thiện căn bản thân, hoài nghi trí Phật.

“*Đại sư Vọng Tây nói, nghi năm trí Phật*”, hoài nghi năm loại trí tuệ của Phật. “*Gọi là tội gốc, không phải mười ác nghiệp...*”, mười ác nghiệp không thể vãng sinh, người vãng sinh phải đoạn mười ác nghiệp. “*Tự hối trách sâu*”, sám hối, ân hận, tự trách.

“*Đại sư Nghĩa Tịch nói, gọi là hối trách, ở đây là quán sát tâm, gọi là hối vạy. Trách, trách cứ tâm mê của mình*”. Việc này trong sinh hoạt hàng ngày, khi khởi tâm động niệm, phải luôn luôn nhắc nhở mình: tôi đã sai nhất niệm, tại sao lại nghĩ đến những việc đó? Ý niệm đó vừa khởi lên, liền chuyển thành A Di Đà Phật, Phật hiệu liên tục, như thế mới đúng. Bởi thế đây là phương pháp tối ưu để kiểm điểm tâm tánh, sám trừ nghiệp chướng.

Thông thường chúng ta đặt nó vào khoá lễ buổi chiều, tại sao khoá lễ buổi chiều chúng ta chọn phẩm ba mươi hai đến ba mươi bảy trong kinh này? Sáu phẩm kinh văn này đều nói ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, nghĩa là nói rõ về quả báo Ngũ giới, Thập thiện. Giúp chúng ta phản tỉnh, giúp chúng ta sám hối, giúp chúng ta thay đổi, dụng ý ở chỗ đó.

Khoá lễ sáng chúng ta chọn phẩm thứ sáu, bốn mươi tám nguyện. Mỗi niệm chúng ta ngưỡng mộ Phật A Di Đà, mỗi niệm đều muốn thân cận Phật A Di Đà. Tâm nguyện Phật A Di Đà ngay trong phẩm kinh đó, mong muốn chúng ta cùng tâm, cùng nguyện, cùng đức, cùng hạnh với Phật A Di Đà, thế mới là thực sự biến Phật A Di Đà thành bản thân mình. Tâm ta là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta, dùng bốn mươi tám nguyện chuyển biến khởi tâm động niệm của ta. Khởi tâm động niệm đều rơi vào bốn mươi tám nguyện, câu Phật hiệu này mới được nhiều ích lợi, câu Phật đó đầy đủ bốn mươi tám nguyện. Trong câu Phật hiệu đó, đầy đủ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, sám hối trong phẩm thứ sáu, làm như thế thì khoá lễ sớm chiều mới không bỏ công.

Người xưa đã định khoá sớm chiều, là người thời đó, quý vị nên hiểu vấn đề này.

Bạn xem hiến pháp quốc gia, cách vài năm phải tu chỉnh một lần, tại sao? Một số điểm không phù hợp. Xã hội chúng ta ngày nay, không giống ngày trước. Thời của những người ngày trước, đặt ra những khoá tụng này có thể nhiếp tâm, có thể giúp bạn nâng cao giới định tuệ. Ngày nay chúng ta dùng công khoá đó, người xưa được lợi ích, chúng ta làm như thế, nhưng không được lợi ích, tại sao? Chúng ta không có trí tuệ, không có định công, không có qui cách. Bởi thế học không học được khoá tụng đó, năm hội thần chú Lăng Nghiêm, người xưa tụng lên thực sự linh nghiệm, ngày nay niệm không linh.

Ngày trước thầy Lí dạy chúng tôi, thầy đã từng học thần chú tàng hình, khi niệm lên, người khác không nhìn thấy ông nữa, tàng hình. Ông niệm cho chúng tôi nghe, niệm xong hỏi chúng tôi, thấy tôi không? Thấy, ai cũng thấy, không linh. Ngày trước người ta niệm linh, tại sao? Công phu họ đã chín muồi, ngày nay chúng ta chỉ học chú này không có công phu, bởi thế không được. Người xưa định tuệ đạt mức đó, niệm chú liền ứng nghiệm, linh ứng. Bây giờ định không tuệ cũng không, chỉ học ngôn ngữ, không được. Chim vẹt cũng có thể học tiếng người, nó đâu phải người, nó là động vật.

Căn tánh ngày nay của chúng ta thua xa người xưa, nên hạ thấp công khoá chúng ta xuống, hạ xuống tận cùng. Phật A Di Đà cứu tất cả chúng sinh, ngay khi pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni diệt hết, một trăm năm cuối cùng, chỉ còn kinh Vô Lượng Thọ. Khi Vô Lượng Thọ Kinh không còn, còn một trăm năm, chỉ còn một câu A Di Đà Phật. Chúng ta biết A Di Đà Phật là giới hạn cuối cùng, nó rất vĩ đại.

Ngày nay chúng ta dùng A Di Đà Phật làm khoá lễ sáng chiều, dùng Vô Lượng Thọ Kinh là đúng, đây là thời mật pháp. Cổ nhân đã định rồi, định thời kì tượng pháp, thời kì tượng pháp thiền định thành tựu, theo đó mà định. Ngày nay thời kì mật pháp Tịnh độ thành tựu, nên theo Vô Lượng Thọ Kinh để định khoá tụng. Không phải không có căn cứ, không phải nói một cách tùy tiện.

Bởi thế sách khoá tụng của Tịnh tông, đã dùng khoảng hai mươi năm nay. Trong hai mươi năm đó, bất kể tại gia hay xuất gia, y theo cuốn khoá tụng để tu học đều được lợi ích. Vì thế chúng ta không tụng chú Lăng Nghiêm và thập chú nữa.

Khoá lễ sáng chiều của chúng ta chỉ nhắm đến một mục tiêu, nếu chúng ta làm được, tâm đồng tâm Phật A Di Đà, nguyện đồng nguyện A Di Đà Phật, khoá lễ sáng. Khoá lễ chiều, đức đồng đức Phật A Di Đà, hạnh đồng hạnh Phật A Di Đà. Chúng ta chỉ có một phương hướng, thế giới Cực lạc phương

Tây, chỉ một tâm nguyện, mong thân cận Phật A Di Đà. Chúng ta nhất tâm muốn thấy Phật, không muốn rời xa Phật, vì vậy chuyên tu chuyên hoằng.

“Đại sư Vọng Tây lại nói, hết năm trăm năm, chướng trước đã nhẹ, biết tội gốc mình, nên tự hối trách. Nhờ hối trách nên hết chướng, liền đến chỗ Phật A Di Đà”. Đây là nói những người đang sống ở biên địa, nghiệp chướng họ dần dần được tiêu trừ, đến lúc còn rất ít, họ sẽ giác ngộ, biết được mình đã sai lầm, biết sai nên hối cải.

Hối trách là thay đổi, thay đổi mới có thể cầu sinh. Họ đã được sinh ở thế giới Cực lạc, cầu thoát li biên địa nghi thành, như thế mới đạt được, liền thấy Phật. *“Tức đến chỗ Phật A Di Đà”*, đây là thấy Phật, thấy Phật tất nhiên nghe pháp, tất nhiên được vào phẩm vị. Chỉ cần nhập phẩm vị, tự nhiên được sự gia trì của bản nguyện Phật A Di Đà, đều thành Bồ Tát bất thối chuyển, họ sẽ được nâng lên rất nhanh.

“Đại sư Đàm Loan lại nói trong Lược Luận: Biết tội gốc mình, tự hối trách sâu, mong thoát chỗ đó, liền được toại nguyện”, ý rất giống lời đại sư Vọng Tây. *“Giống người sinh tam bối, khi năm trăm năm hết, mới biết hối lỗi”*. Đại sư Đàm Loan, Vọng Tây đều cho rằng hối lỗi được ra khỏi khi hết năm trăm năm. Nhận thấy thời gian năm trăm năm quá dài, họ dần dần giác ngộ, họ tỉnh ngộ. Việc này, ngày nay chúng ta cũng thường thấy, có thể hiểu được.

Ví dụ một người tuổi trẻ, làm rất nhiều những việc sai lầm. Tuổi già về hưu, nghĩ đến những việc sai trái ngày trước, ân hận, tuổi trẻ bông bột, tuổi lớn mới hiểu ra, tại sao? Tâm tính đã chín chắn, tuổi trẻ xóc nổi.

Vùng nghi thành biên địa ở thế giới Cực lạc, nếu thực sự có thiện căn, có phước đức, quý vị đã vãng sinh. Nhưng khi vãng sinh, vẫn còn tập khí xóc nổi, phải đè nén những tập khí xóc nổi đó xuống, tại sao? Khi đã được đè nén, ta thấy Phật A Di Đà, thấy Phật nghe pháp mới có tác dụng, nếu không khi đã thấy rồi vẫn không có tác dụng.

Từ đó có thể biết, đây là giai đoạn tất yếu phải có, người không vấn đề không nói gì, người có vấn đề cần phải có. Phải trải qua cửa ải này, phải ở đó để đào thải tập khí, để mình thực sự khiêm tốn, thực sự ân hận, như thế mới có thể thấy Phật. Bởi thế chúng ta biết, những người ở nơi đó cũng rất được an ủi, an ủi về vấn đề gì? Cuối cùng họ cũng đến được Cực lạc, họ không còn thoái chuyển, đây chính là đều an ủi nhất, tiếc những gì? Tiếc tín tâm của mình không đủ, đến được, nhưng chưa thấy Phật.

Tuy thế, Gia Tường Sớ còn có cách nói khác: *“Sớ nói: Tự hối trách sâu, cho thấy chưa chắc một thứ. Nếu hối liền ra ngay, không hối sẽ đủ năm trăm*

năm”, không giống cách nói của đại sư Đàm Loan, Vọng Tây. Đàm Loan cũng rất cừ khôi, chưa được liệt vào địa vị tổ sư, nhưng ngài không thua vị tổ sư nào, cũng minh tâm kiến tánh, cũng là người kiến tánh thành Phật. Cách nhìn của họ nhất định phải đủ năm trăm năm, phải hết năm trăm năm mới ân hận. Nhưng mỗi chúng sinh gặp duyên bất đồng, đây là lời của đại sư Thiện Đạo.

Trong đời này, nếu gặp được nhân duyên thù thắng, đời này cũng có khả năng, thượng phẩm thượng sinh Thật báo độ, đây là điều có thể. Gặp duyên xấu, vãng sinh Tịnh độ hạ tam phẩm vãng sanh Đồng cư độ. Những người ở biên địa nghi thành, họ chưa chắc. Ở nơi đó có thể có người có thiện căn rất sâu dày, tại sao bị sanh đến biên địa nghi thành? Gặp duyên khác nhau, họ còn nghi hoặc. Chưa gặp thiện tri thức thực sự, giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, giúp đỡ họ đoạn nghi sinh tín, nhưng tín nguyện họ đầy đủ, được vãng sinh.

Bởi chưa đoạn nghi tình, sinh vào biên địa, đến lúc nào giác ngộ chưa biết. Có người rất nhanh, có người lại chậm, nhưng chậm nhất cũng không quá năm trăm năm, đây là điều được nói trong Gia Tường Sớ.

“Hai thuyết ở trên không trái nhau, xong năm trăm năm mới biết tội và sám hối, là đa số trong số sinh biên địa. Không đến năm trăm năm sám tội được ra, đây là những người thượng căn trong số đó”. Căn tánh không giống nhau, vì đâu mà căn tánh không giống nhau? Đều từ giáo dục mà ra. Đời trước, kiếp này, liệu có được tiếp xúc với nền giáo dục của Thánh hiền chăng? Hay chúng ta nói rõ một tí, từ bé, đã được ai dạy sự thành tín chăng?

Tổ sư Ân Quang đã nói với chúng ta: Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Từ bé ai đã dạy họ phải chân thành, phải cung kính chăng? Đây là thuộc về thiện căn. Đời này gặp được cha mẹ hiểu về giáo dục, thầy giáo biết giáo dục Thánh hiền, tự nhiên người đó thiện căn sâu dày, thiện căn mỏng cũng được rèn dũa. Nên thiện căn dày có thể hiểu được, đây là điều chắc chắn thành công.

“Khi đã hết tội”, những lỗi nghi hoặc ngày trước, được sám trừ hết, sau đó mới được ra khỏi nghi thành, thấy Phật nghe pháp. Nên biết không luận trong năm trăm năm hay xong năm trăm năm, nói tóm lại, phải tiêu trừ hết những lỗi ngày trước, mới được giải thoát”. Câu này rất quan trọng, nhất định tội chướng phải hết, mới được thoát ra.

Cùng một đạo lí, chúng ta có thể lí giải được, có thể suy ra. Người đọa địa ngục, đến trong địa ngục, phải đưa nghiệp địa ngục trong đời trước hay kiếp này, tiêu trừ ngay trong địa ngục, họ mới được thoát khỏi địa ngục. Người đọa vào cõi quỷ đói, cõi quỷ đói là do tâm tham, nghiệp tập tham lam. Nhất định

phải đoạn hết trong cõi quỷ đói, họ mới được thoát khỏi cõi quỷ đói, một đạo lí, một nguyên lí.

Ở đây cho thấy, tại sao tam ác đạo dễ vào ra khó, không phải nói dễ ra. Vì tội chướng của ta, phải đưa tội chướng đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, phá tan ngay trong đó, mới có thể ra. Chưa đoạn được tập khí tham lam, làm sao ra được? Chưa đoạn được tập khí sân hận, làm sao ra khỏi địa ngục? Trong sân hận gồm cả ngạo mạn, ghen ghét. Ngạo mạn, ghen ghét, oán hận, bất bình, đều được sinh ra từ sân hận.

Bởi thế chúng ta phải hiểu được, ba ác đạo là tiêu ác nghiệp chướng, tam thiện đạo là tiêu thiện nghiệp chướng, toàn là tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng là do ta tạo, thiên đường, địa ngục là do nghiệp lực của ta biến hiện ra. Thiên đường, tam thiện đạo được tạo thành bởi công đức thiện nghiệp. Địa ngục, ngạ quỷ, tam ác đạo được tạo nên bởi công đức ác nghiệp. Nếu chúng ta hiểu được việc đó, rõ ràng việc đó, làm sao để hiểu được? Không còn hoài nghi. Nhỏ sạch gốc nghi, sau đó tu hành sẽ rất dễ.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn: *“Liền đến được ngay, chỗ Vô Lượng Thọ, nghe kinh nghe pháp, làm lâu như thế, khai giải hoan hỉ. Cũng được cúng khắp, vô lượng vô số chư Phật, tu các công đức. A Dật Đa các người, nên biết nghi hoặc, với các Bồ Tát, tổn hại rất lớn, làm mất lợi lớn. Vì vậy nên phải, tin rõ chư Phật, vô lượng trí tuệ”*.

Đoạn sau cùng, Thế Tôn rút gan rút ruột để khuyên chúng ta, phải đoạn nghi sinh tín. Nguy hại của nghi hoặc, thực sự lớn lắm, lớn lắm. Nhất là trong đời này, đã gặp được pháp này, đây là pháp vô thượng, vi diệu, rất sâu.

Người hiện thời nghiệp chướng nặng, trước tiên hoài nghi với những pháp lớn này, ta không trách họ hoài nghi, họ sinh trong thời đại này. Đây là thời đại hoài nghi rất phổ biến, sinh trong thời đại này, không hoài nghi Thánh giáo, đó là việc hi hữu!

Ta bắt gặp rất nhiều người, ban đầu có lòng tin Thánh giáo, rất tin, siêng năng tu học. Nhưng gặp phải một nhân duyên, họ buông hết lòng tin, tin những tôn giáo khác, đây là điều đáng tiếc. Nếu người này vẫn còn thiện căn, vẫn còn phước đức, có thiện thần, Phật Bồ Tát gia hộ. Họ nghiêng rãnh chịu khổ cuối cùng quay lại, có, không phải không, nhưng không nhiều. Đọa lạc rồi, không nhiều người có thể quay lại. Tôi đã chứng kiến những người cuối cùng cũng quay lại.

Ngày trước, có lần tôi giảng kinh ở phía Nam Đài Loan, pháp sư Chử Vân mời tôi, ở Phương Sơn, gặp một cư sĩ. Lúc bấy giờ, tôi đại khái, độ năm mươi tuổi, cư sĩ kia độ hơn tám mươi, đã về hưu, một tướng quân. Tuổi trẻ tin Phật,

nửa chừng thoái lui, học Đạo, học tôn giáo khác. Khi về già, hơn tám mươi quay lại, ông nghĩ lại, những thứ đó không ổn, không giải quyết được vấn đề gì. Bây giờ tuổi đã lớn, chuyên tâm niệm Phật.

Nói với tôi, mỗi ngày niệm ba vạn tiếng Phật hiệu, niệm bằng cách nào? Không phải trong Phật đường, ông ở nông thôn, đi bộ, mỗi bước một tiếng niệm Phật. Ông đi ba vạn bước, sáng nào cũng đi ba vạn bước, niệm ba vạn tiếng niệm Phật. Như thế rất tốt, bởi thế hơn tám mươi tuổi da dẻ vẫn hồng hào, sức khỏe rất tốt, đủ để vận động, ông áp dụng phương pháp đó. Bởi thế khi thấy ông, tôi cũng rất vui mừng khen ngợi, đôi khi ông cũng đến nghe kinh. Vì thế đây là người học rộng nghe nhiều, đã có rất nhiều biến chuyển, cuối cùng quay sang niệm Phật, tuyệt vời. Chỉ cần có chuyển biến, chắc chắn sẽ thành công.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: *“Liên được đến ngay chỗ Vô Lượng Thọ”*, câu kinh văn này. *“Gia Tường Sớ nói: Liên được, có nghĩa không bị thời gian ngăn cách, tức khắc, họ thấy Phật ngay tức khắc. Rằng, vừa ra khỏi thai sen, liền thấy Phật nghe pháp, không cần trải qua thời gian”*. Không phí chút thời gian nào, ra khỏi hoa sen là thấy Phật A Di Đà, nghe được Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp.

“Lâu dân sẽ được khai giải hoan hỉ”. *“Nói chung vì người này trí tuệ trước đó không sáng, ít được nghe kinh”*. Ít học tập kinh điển, chủng tử kinh giáo trong A lại da rất ít, bởi thế trí tuệ không được bao nhiêu. *“Bây giờ duyên đã thành thực, nay tuy thấy được Phật Di Đà, tai nghe lời Phật, nhưng vì tâm dơ chưa trừ, vẫn còn tình kiến, nên phải huân tập nghe nhiều, trí tuệ tăng trưởng”*.

Đây là quá trình phải có, tuy Phật A Di Đà gia trì, bản thân ta cũng phải ra sức. Bản thân không nỗ lực, thân thông, đức tướng, trí tuệ không phải của mình. Do Phật cho, cũng có hiệu quả, không phải không kết quả, nhưng cách mình một lớp. Bởi thế Phật gia trì là một chuyện, bản thân chúng ta phải không ngừng nỗ lực, không được biếng nhác.

“Huân tập nghe nhiều, tăng trưởng trí tuệ, mới có thể hiểu được lời Phật”. Mấy câu này rất quan trọng. Bởi vì ngày nay chúng ta sống trong bối cảnh này, không thể không học, không được thôi tâm, giữa đường thay đổi chủ ý là sai. Nhất định phải theo đuổi đến cùng, tại sao? Theo đuổi đến cùng sẽ kiến tánh, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Đi nửa đường lại quay về, đổi hướng, như thế là quá sai. Không thay đổi phương hướng, không quay đầu, chắc chắn sẽ đạt được mục đích. Mục đích là minh tâm kiến tánh, nghĩa là kiến tánh thành Phật, quan trọng hơn bất cứ điều gì.

Thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học đến đây.

Hết tập 556